

TÀI LIỆU BAO GỒM:

- Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
- 30 CÂU ĐÚNG/SAI (**1->30**)
- CÂU HỎI THAM KHẢO (câu hỏi lý thuyết và cả đúng/sai)
(Câu 1 -> Câu 30)
- Bảng tra câu hỏi cho 102 câu hỏi về Lý luận nhà nước và pháp luật

LUẬT
BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

1. Hiến pháp.
2. Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), nghị quyết của Quốc hội.
3. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
4. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
5. Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
7. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
8. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.Bổ sung
9. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).
10. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
11. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.
12. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).
13. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
14. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).
15. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

30 CÂU ĐÚNG/SAI (Bảng tra câu hỏi)

1. Ở nước ta, sự phân quyền và cơ chế kiềm chế, đối trọng, chế ước giữa các cơ quan nhà nước là biểu hiện quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
2. Pháp luật Việt Nam không chấp nhận các luật tục vì tính chất tùy tiện của nguồn này.
3. Theo thuyết khé ước xã hội thì nhà nước ra đời do sự thỏa thuận thống nhất của xã hội, tuy nhiên chỉ có giai cấp thống trị được tham gia bầu cử để hình thành nên các cơ quan đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.
4. Trong hình thức chính thể quân chủ, toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào một tổ chức được nhân dân bầu ra, hoạt động theo nhiệm kỳ.
5. Bản chất của pháp luật cũng giống như bản chất của nhà nước luôn thể hiện tính giai cấp và tính xã hội.
6. Chính phủ luôn chịu trách nhiệm trước Quốc hội hay Nghị viện.
7. Tại Việt Nam, chỉ có Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân mới thực hiện được chức năng xét xử.
8. Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành thông tư.
9. Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người đứng đầu nhà nước.
10. Khi giải quyết tranh chấp, Tòa án chỉ có thể dựa vào các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết.
11. Không phải đợi đến khi có nhà nước mới có bộ máy chuyên chế làm nhiệm vụ cưỡng chế vì điều này đã tồn tại từ trong lòng xã hội cộng sản nguyên thủy.
12. Trong hình thức chính thể quân chủ, toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào một tổ chức được nhân dân bầu ra, hoạt động theo nhiệm kỳ.
13. Thực chất, nhà nước chỉ là công cụ, bộ máy trấn áp giai cấp của giai cấp thống trị, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và trấn áp giai cấp bị trị.
14. Pháp luật được xem là đặc trưng quan trọng nhất của nhà nước.
15. Theo Mác- Lênin, nhà nước là giai cấp thứ ba xuất hiện để giải quyết mâu thuẫn giai cấp.
16. Nhà nước là chủ thể duy nhất có khả năng ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật.
17. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không bắt buộc phải là đại biểu quốc hội.
18. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là một cơ quan nhà nước trong Bộ máy nhà nước của nước CHXHCN Việt Nam.
19. Nhà nước ra đời, tồn tại và phát triển gắn liền với xã hội có giai cấp.
20. Nhà nước có hai hình thức chính thể là chính thể quân chủ tuyệt đối và chính thể quân chủ hạn chế.
21. Tùy vào kiểu nhà nước khác nhau mà nhà nước có thể mang bản chất giai cấp hoặc bản chất xã hội.
22. Quyền lực nhà nước của nước ta được phân chia theo tam quyền phân lập gồm quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

23. Bộ chính trị là một cơ quan trực thuộc Chính phủ, chịu sự quản lý của Chính phủ.
24. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước tại Việt Nam.
25. Trong hình thức chính thể cộng hòa đại nghị, Tổng thống là chức danh có quyền lực tối cao nhất.
26. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được Chủ tịch nước bổ nhiệm.
27. Ở Việt Nam, án lệ được Quốc Hội ban hành và đảm bảo thực hiện.
28. Pháp luật đưa ra các mô hình khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi xử sự của con người thể hiện tính xác định về mặt hình thức của pháp luật.
29. Ở Việt Nam, Bộ luật là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất.
30. Nghị định là văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính Phủ có thẩm quyền ban hành.

CÂU HỎI THAM KHẢO (Bảng tra câu hỏi)

Câu 1: “Việt Nam theo dân chủ nên không có giai cấp”. Nhận định trên đúng hay sai?

Nước Việt Nam là Nhà nước của dân, vậy có tồn tại giai cấp không?

Câu 2: Đặc trưng của 1 cơ quan Nhà nước Việt Nam? Trang 43

Câu 3: “Chủ tịch nước cũng là một cơ quan Nhà nước”. Nhận định trên đúng hay sai?

Câu 4: “Nhà nước tôn giáo Vatican mang đầy đủ các đặc trưng của một nhà nước thông thường” trang 345

Câu 6: Ba chức năng của Quốc hội

Câu 7: Các thành viên của Chính phủ là ai?

Câu 8: Nêu hàm ý nghĩa của Mác – Lê nin và phi Mác – Lê nin

Câu 9: Nhà nước ra đời là để giải quyết mâu thuẫn – đúng không?

→ Không đúng. Theo Mác – Lê nin: Nhà nước ra đời không phải để giải quyết mâu thuẫn, mà là để xoa dịu mâu thuẫn giai cấp theo hướng có lợi cho giai cấp thống trị.

Câu 10: Nhóm nguồn gốc của Nhà nước? bắt đầu từ trang 6

Câu 11: Trong các hình thức cấu trúc dân chủ (đại nghị, tổng thống, bán tổng thống), nhóm nào nắm quyền lực tối cao?

Câu 12: (Nội dung và hình thức Nhà nước). Theo mô hình Đại nghị, Tổng thống giữ vai trò quyền lực tối cao? trang 34

Câu 13: Nhà nước và pháp luật, cái nào ra đời trước?

Câu 14: “Tính đảm bảo thực hiện (tính bắt buộc chung) đảm bảo mọi người đều tuân thủ pháp luật?

Câu 15: Pháp luật là gì? (trang 89) → Pháp luật là các quy tắc xử sự chung mang tính bắt buộc do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội và bảo vệ quyền lợi của các tầng lớp dân cư trong xã hội

Câu 16: “Việt Nam có 3 nguồn pháp luật đúng hay sai”?

Câu 17: BCH Trung ương Đảng đã ban hành ra nghị quyết số 18 về Nghị quyết số 18 đó có được coi là văn bản quy phạm pháp luật không?

Câu 18: “Chính phủ là cơ quan quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” đúng hay sai? → Sai. Vì nó thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

Câu 19: Các trường phái của Pháp luật?

Câu 20: Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền đặt ra và thu các loại thuế.

Câu 21: Nhà nước là công cụ thống trị của giai cấp thống trị trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và tư tưởng.(Sách trang 18)

Câu 22: Căn cứ hình thức chính thể của nhà nước, ta biết được nhà nước đó có dân chủ hay không.

Câu 23: Trong hình thức chính thể cộng hòa đại nghị, tổng thống là chức danh có quyền lực tối cao nhất.

Câu 24: Không thể có chế độ chính trị dân chủ trong một nhà nước chính thể quân chủ tuyệt đối

Câu 25: Ở nước ta, sự phân quyền và cơ chế kiềm chế – đối trọng giữa các cơ quan nhà nước là biểu hiện của quyền lực thuộc về nhân dân.

Câu 26: Giải quyết tranh chấp chỉ có thể dựa vào các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật.

Câu 27: Chính phủ luôn chịu trách nhiệm trước Quốc hội hay Nghị viện.

Câu 28: Chủ tịch Quốc hội nước Việt Nam là người đứng đầu Nhà nước.

Câu 29: . Chủ tịch nước không phải là một cơ quan nhà nước.

Câu 30: . Đứng đầu Chính phủ là Thủ tướng Chính phủ.

CÂU TRẢ LỜI CHO 30 CÂU HỎI:

1. Ở nước ta, sự phân quyền và cơ chế kiềm chế, đối trọng, chế ước giữa các cơ quan nhà nước là biểu hiện quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

→ Đúng.

Vì điều này thể hiện nguyên tắc dân chủ, bảo đảm quyền lực nhà nước không bị lạm dụng, phục vụ lợi ích của nhân dân.

Tại Điều 2 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

2. Pháp luật Việt Nam không chấp nhận các luật tục vì tính chất tùy tiện của nguồn này.

→ Sai. Luật tục, khi có nội dung phù hợp với tiến bộ xã hội, tạo được công bằng, công

lý và trật tự xã hội, thì thường được Nhà nước thừa nhận và trở thành pháp luật tập quán, còn nếu cờ hủ, lạc hậu hoặc mang tính chất mê tín, dị đoan thì sẽ bị Nhà nước cấm.

3. Theo thuyết khế ước xã hội thì nhà nước ra đời do sự thỏa thuận thống nhất của xã hội, tuy nhiên chỉ có giai cấp thống trị được tham gia bầu cử để hình thành nên các cơ quan đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

→ Sai. Thuyết khế ước xã hội nhấn mạnh sự đồng thuận chung, không chỉ của giai cấp thống trị. Theo học thuyết này, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, do vậy, trong trường hợp nhà nước không làm tròn vai trò của mình, các quyền tự nhiên của con người bị xâm phạm thì hiệu lực của khế ước sẽ bị chấm dứt, nhân dân có quyền lật đổ nhà nước và ký khế ước mới, tạo điều kiện hình thành một bộ máy quản lý nhà nước mới.

4. Trong hình thức chính thể quân chủ, toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào một tổ chức được nhân dân bầu ra, hoạt động theo nhiệm kỳ.

→ Sai. Chính thể quân chủ thường do vua đứng đầu, không phải tổ chức do nhân dân bầu. Chính thể quân chủ là hình thức trong đó quyền lực tối cao của nhà nước tập trung toàn bộ (hay một phần) vào trong tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế.

5. Bản chất của pháp luật cũng giống như bản chất của nhà nước luôn thể hiện tính giai cấp và tính xã hội.

→ Đúng. Điều này thể hiện trong mối quan hệ giữa tính giai cấp và tính xã hội trong bản chất của pháp luật:

- Bản chất của pháp luật là sự tương tác giữa tính giai cấp và tính xã hội trong một thể thống nhất.
- Quyết định đặc điểm và xu hướng phát triển cơ bản của pháp luật - nội dung mối liên hệ là bản chất của pháp luật.
- Bản chất của pháp luật thể hiện trong mối quan hệ mâu thuẫn và thống nhất giữa tính giai cấp và tính xã hội.

6. Chính phủ luôn chịu trách nhiệm trước Quốc hội hay Nghị viện.

→ Đúng. Điều này có đề cập đến trong Hiến pháp 2013 – Điều 94:

“Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước.”

7. Tại Việt Nam, chỉ có Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân mới thực hiện được chức năng xét xử.

→ Sai.

Tại Việt Nam, theo quy định của **Hiến pháp năm 2013** và **Luật Tổ chức Tòa án**

nhân dân, chỉ có **Tòa án nhân dân các cấp** mới là cơ quan **thực hiện quyền tư pháp, tiến hành hoạt động xét xử**.

Điều 102 – Hiến pháp 2013: *Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.*

Điều 107 – Hiến pháp 2013: *Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.*

8. Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành thông tư.

→ Sai. **Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi năm 2020:**

Điều 4 – Khoản 9: Thông tư là văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành.

→ Không có quy định nào cho phép Thủ tướng Chính phủ được ban hành Thông tư.

9. Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người đứng đầu nhà nước.

→ Sai. Người đứng đầu nhà nước là Chủ tịch nước. Theo **Điều 86 – Hiến pháp 2013:** Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

10. Khi giải quyết tranh chấp, Tòa án chỉ có thể dựa vào các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết.

→ Sai. Ngoài luật, Tòa án có thể sử dụng án lệ, tập quán nếu phù hợp.

Điều 14 – Bộ luật Dân sự 2015: Trong trường hợp không có quy định của pháp luật để áp dụng, thì Tòa án có thể áp dụng tập quán, nếu không có tập quán thì áp dụng nguyên tắc tương tự pháp luật, và cuối cùng là nguyên tắc công bằng, lẽ phải.

Điều 22 – Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014 (sửa đổi): Tòa án nhân dân có trách nhiệm áp dụng án lệ trong xét xử.

11. Không phải đợi đến khi có nhà nước mới có bộ máy chuyên chế làm nhiệm vụ cưỡng chế vì điều này đã tồn tại từ trong lòng xã hội cộng sản nguyên thủy.

→ Sai. Trong xã hội cộng sản nguyên thủy – giai đoạn đầu tiên của sự phát triển xã hội loài người – không tồn tại bộ máy chuyên chế, không có nhà nước, giai cấp hay công cụ cưỡng chế chuyên biệt: quan hệ xã hội dựa trên sự bình đẳng, sở hữu chung về tư liệu sản xuất, phân phối theo nhu cầu, và quyết định theo tập thể nên chưa có sự phân hóa giai cấp, nên không cần thiết phải có một bộ máy cưỡng chế (nhà nước) để duy trì trật tự.

Theo học thuyết Mác – Lenin về nguồn gốc nhà nước: nhà nước chỉ xuất hiện khi xã hội đã có sự phân hóa giai cấp. Nhà nước là sản phẩm của mâu thuẫn không thể điều hòa giữa các giai cấp, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị → điều này không tồn tại trong xã hội cộng sản nguyên thủy.

13. Thực chất, nhà nước chỉ là công cụ, bộ máy trấn áp giai cấp của giai cấp

thống trị, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và trấn áp giai cấp bị trị.

→ Đúng. Theo quan điểm Mác-Lênin: “Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Bất cứ nơi đâu, hễ lúc nào và chừng nào mà, về mặt khách quan, những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được, thì nhà nước xuất hiện ... ”. Do vậy, cơ sở xã hội của sự xuất hiện nhà nước là khi trong xã hội xuất hiện chế độ tư hữu và mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị.

14. Pháp luật được xem là đặc trưng quan trọng nhất của nhà nước.

→ Đúng. Pháp luật là đặc trưng cốt lõi và quan trọng nhất của nhà nước, vừa là cơ sở tồn tại, vừa là phương tiện thực thi quyền lực và quản lý xã hội: Nhà nước có vai trò đặt ra quy tắc và quy định để điều chỉnh các hoạt động trong xã hội, pháp luật được ban hành để đảm bảo trật tự, an ninh cũng như sự công bằng trong xã hội.

Theo học thuyết Mác – Lenin: "Pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị được nâng lên thành luật lệ chung và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực cường chế của nhà nước."

15. Theo Mác - Lenin, nhà nước là giai cấp thứ ba xuất hiện để giải quyết mâu thuẫn giai cấp.

→ Sai. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lenin: Nhà nước không phải là một giai cấp, càng không phải là giai cấp thứ ba, nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa trong xã hội.

16. Nhà nước là chủ thể duy nhất có khả năng ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật.

→ Đúng. Pháp luật được hiểu là tổng thể các quy tắc xử sự do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí nhà nước.

17. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không bắt buộc phải là đại biểu Quốc hội.

→ Sai. Vì Điều 8 của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định rằng các vị trí sau đây trong hệ thống chính trị của đất nước phải là các đại biểu Quốc hội:

- Chủ tịch Quốc hội; Phó Chủ tịch Quốc hội; Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước.
- Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc hội.
- Thủ tướng Chính phủ.
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng thư ký Quốc hội.

18. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là một cơ quan nhà nước trong Bộ máy nhà nước của nước CHXHCN Việt Nam.

→ **Sai. Điều 28 Luật Thanh niên năm 2020 quy định, như sau:**

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị-xã hội của thanh niên Việt Nam, giữ vai trò nòng cốt trong phong trào thanh niên và tổ chức thanh niên; tổ chức hướng dẫn hoạt động của thiếu niên, nhi đồng, phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

19. Nhà nước ra đời, tồn tại và phát triển gắn liền với xã hội có giai cấp.

→ **Đúng.** Đây là quan điểm nền tảng của học thuyết Mác-Lênin. Nhà nước ra đời bắt nguồn từ xã hội có giai cấp ra đời, xã hội nguyên thủy tan rã. Có 2 nguyên nhân ra đời nhà nước: Xuất hiện tư hữu về tài sản; Sự phân chia giai cấp đối kháng, có mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được.

Theo quan điểm của Lenin “Nhà nước là một bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác, và theo đúng nghĩa của nó, là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với một giai cấp khác”

=> Nhà nước ra đời tồn tại và phát triển gắn liền với xã hội có giai cấp.

20. Nhà nước có hai hình thức chính thể là chính thể quân chủ tuyệt đối và chính thể quân chủ hạn chế.

→ **Sai.** Nhà nước gồm 2 hình thức chính thể là chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa. Chính thể quân chủ bao gồm: Chính thể quân chủ tuyệt đối, chính thể quân chủ hạn chế. Chính thể cộng hòa bao gồm: Chính thể cộng hòa quý tộc, chính thể cộng hòa dân chủ.

21. Tùy vào kiểu nhà nước khác nhau mà nhà nước có thể mang bản chất giai cấp hoặc bản chất xã hội.

→ **Sai.** Theo quan điểm của học thuyết Mác - Lênin, nhà nước mang bản chất giai cấp. Nhà nước chỉ ra đời từ khi xã hội phân chia giai cấp. Giai cấp nào thì nhà nước đó. Do trong xã hội nguyên thủy không có phân chia giai cấp, nên trong xã hội nguyên thủy không có Nhà nước. Cho đến nay, đã có 4 kiểu Nhà nước được hình thành: Nhà nước chủ nô, Nhà nước phong kiến, Nhà nước tư sản, Nhà nước vô sản (Nhà nước xã hội chủ nghĩa). Nhà nước được giai cấp thống trị thành lập để duy trì sự thống trị của giai cấp mình, để làm người đại diện cho giai cấp mình, bảo vệ lợi ích của giai cấp mình. Bản chất nhà nước có hai thuộc tính: tính xã hội và tính giai cấp cùng tồn tại trong một thể thống nhất không thể tách rời và có quan hệ biện chứng với nhau

22. Quyền lực nhà nước của nước ta được phân chia theo tam quyền phân lập gồm quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

→ **Sai. Theo Điều 2 Hiến pháp 2013 có quy định:**

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực

nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

=> **Việt Nam không áp dụng mô hình tam quyền phân lập tuyệt đối mà phân công phối hợp.**

23. Bộ chính trị là một cơ quan trực thuộc Chính phủ, chịu sự quản lý của Chính phủ.

→ **Sai.** Bộ Chính trị là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản, không trực thuộc Chính phủ. Danh sách các bộ trực thuộc Chính phủ: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi Trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

24. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước tại Việt Nam.

→ **Sai.**

- *Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

- *Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.*

=> Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất ở trung ương, Hội Đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực, đại diện cho ý chí của nhân dân, 2 cơ quan này tuy liên kết nhưng thực tế không có cùng 1 vị trí và vai trò

25. Trong hình thức chính thể cộng hòa đại nghị, Tổng thống là chức danh có quyền lực tối cao nhất.

→ **Sai.** Nghị viện là một thiết chế quyền lực trung tâm và có vị trí, vai trò rất lớn trong cơ chế thực hiện quyền lực nhà nước. Tổng thống do nghị viện bầu ra. [nghị viện có quyền thực tế kiểm tra giám sát các hoạt động của chính phủ trong khi tổng thống không trực tiếp tham gia việc điều hành đất nước]

=> Trong chính thể đại nghị, quyền lực thuộc về Thủ tướng và nghị viện.

26. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được Chủ tịch nước bổ nhiệm.

→ **Sai. Căn cứ Điều 26 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014 có quy định như sau:**

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề

nghị của Chủ tịch nước.

Nhiệm kỳ của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

Căn cứ Điều 62 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014 quy định về Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao như sau:

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch nước.

27. Ở Việt Nam, án lệ được Quốc hội ban hành và đảm bảo thực hiện.

→ Sai. (Điều 1 Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP) quy định:

Án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử.

28. Pháp luật đưa ra các mô hình khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi xử sự của con người thể hiện tính xác định về mặt hình thức của pháp luật.

→ Đúng. Đây là tính quy phạm phổ biến của pháp luật: Pháp luật là quy tắc xử sự chung, khuôn mẫu chung, áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

29. Ở Việt Nam, Bộ luật là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất.

→ Sai. Căn cứ vào Điều 119 Hiến pháp 2013:

1. Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất.

Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp.

Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý.

=> Hiến pháp mới là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất.

30. Nghị định là văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành.

→ Sai. Điều 4, chương I Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

5. Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

CÂU TRẢ LỜI CHO CÂU HỎI THAM KHẢO

Câu 1: “Việt Nam theo dân chủ nên không có giai cấp”. Nhận định trên đúng hay sai? → Sai. Vì :

- **Việt Nam có 5 giai cấp:** sĩ, công, nông, thương, binh nhưng đặc biệt là các tầng lớp áy đại diện cho xã hội chứ không phải giai cấp chịu áp bức.

- **Dân chủ không có nghĩa là không có giai cấp** vì : Việt Nam là Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Dân chủ ở đây là dân chủ xã hội chủ nghĩa, nghĩa là dân chủ gắn liền với sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thông qua Đảng Cộng sản

- **Theo quan điểm chủ nghĩa Mác- Lênin** (nền tảng tư tưởng của Đảng và Nhà nước Việt Nam): Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giai cấp chưa bị xóa bỏ hoàn toàn, mà từng bước thu hẹp sự đối kháng giai cấp, hướng đến một xã hội không còn giai cấp (xã hội cộng sản chủ nghĩa trong tương lai).

***CÁCH HỎI KHÁC: Nước Việt Nam là Nhà nước của dân, vậy có tồn tại giai cấp không?** (Dựa vào câu trên trả lời)

Câu 2: Đặc trưng của 1 cơ quan Nhà nước Việt Nam? Trang 43

→ Cơ quan nhà nước là một tổ chức cấu thành bộ máy nhà nước. Có tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động khác nhau, sử dụng quyền lực nhà nước để thực hiện chức năng quản lý xã hội theo quy định của pháp luật.

Gồm 3 đặc điểm:

- + Cơ quan nhà nước nhân danh nhà nước trong tổ chức và hoạt động.
- + Cơ quan nhà nước sử dụng quyền lực nhà nước trong hoạt động, được sử dụng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước nhằm đảm bảo thực hiện ý chí của mình.
- + Cơ quan nhà nước thực hiện hoạt động quản lý xã hội một cách thường xuyên, chuyên nghiệp, “nhằm xác lập một trật tự ổn định và phát triển xã hội theo những mục tiêu mà tầng lớp cầm quyền theo đuổi”.

Câu 3: “Chủ tịch nước cũng là một cơ quan Nhà nước”. Nhận định trên đúng hay sai?

→ Đúng.

Hiến pháp 2013 – Điều 86: Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của một cơ quan nhà nước trung ương.

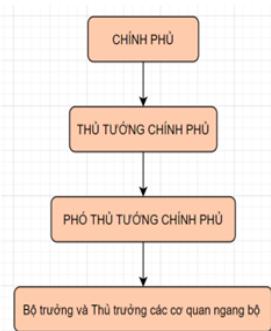
- Một cơ quan nhà nước gồm 3 đặc trưng: **(CHÉP CỦA CÂU 2)**

- Vì:

- + Thứ nhất, Chủ tịch nước nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các hoạt động đối nội và đối ngoại, thể hiện rõ chức năng tổ chức và hoạt động mang tính đại diện tối cao cho quốc gia, ví dụ tại **Điều 88 Hiến pháp 2013** quy định Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh, bổ nhiệm đại sứ, quyết định đặc xá, phong hàm, cấp bậc sĩ quan cao cấp trong lực lượng vũ trang.

→ **Thỏa đặc điểm (1).**

- + Thứ hai, Chủ tịch nước sử dụng quyền lực nhà nước trong hoạt động điều hành



và có quyền sử dụng công cụ cưỡng chế nhà nước, điển hình là **Điều 89**, + trong đó Chủ tịch nước giữ chức Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, có quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, cách chức Thủ tướng và các chức danh tư pháp như Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (**Điều 88, khoản 2**).

→ **Thỏa đặc điểm (2)**.

- + Thứ ba, Chủ tịch nước hoạt động thường xuyên, chuyên nghiệp, thực hiện chức năng quản lý xã hội thông qua việc phối hợp với Chính phủ, Quốc hội, các cơ quan khác nhằm bảo đảm trật tự, ổn định xã hội và theo đuổi mục tiêu phát triển quốc gia, thể hiện rõ ở **Điều 91 và Điều 93**, nơi quy định trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch nước trong các vấn đề quốc phòng, an ninh, đối ngoại và tổ chức bộ máy nhà nước.

→ **Thỏa đặc điểm (3)**.

Câu 4: “Nhà nước tôn giáo Vatican mang đầy đủ các đặc trưng của một nhà nước thông thường” trang 345

Dù có đặc trưng đặc biệt ở quyền lực công và thu thuế nhưng Vatican vẫn được công nhận là nhà nước vì có lãnh thổ, dân cư, chủ quyền, pháp luật riêng và hệ thống quyền lực công đầy đủ.

(Liên hệ 5 đặc trưng của Nhà nước và liên hệ tới Vatican và kết luận) Gợi ý: Vatican là một Nhà nước nhưng(chú ý tới thuế và quyền lực công cộng đặc biệt, quân đội)

- **Nhà nước gồm 5 đặc trưng cơ bản:**

- + Phân chia dân cư thành các đơn vị hành chính theo lãnh thổ : Vatican không phân chia đơn vị hành chính như các quốc gia khác, Bộ máy của họ hoạt động theo cơ cấu tôn giáo kết hợp hành chính, với tính chất trung ương hóa cao và quy mô cực nhỏ.
- + ***Nhà nước thiết lập quyền lực công:** Vatican không có quân đội có cảnh sát nhưng chỉ chịu trách nhiệm bảo vệ giáo hoàng và giáo hội Vatican. Ngoài ra, Vatican không có nhà tù hay cơ sở giam giữ chuyên trách, chỉ có một số phòng giam giữ tội phạm trước khi xét xử.
- + Nhà nước có chủ quyền quốc gia : Vatican là một quốc gia có lãnh thổ độc lập, tuy nhỏ (chỉ khoảng 0,44 km²) nhưng được quốc tế công nhận.
- + Nhà nước ban hành pháp luật và buộc mọi thành viên trong xã hội phải thực hiện : Vatican vẫn có các bộ luật riêng họ, được ban hành và mọi thành viên trong xã hội phải thực hiện nó.
- + ***Nhà nước quy định và tiến hành thu các loại thuế :** Không áp bất kì loại thuế nào liên quan đến kinh tế trong phạm vi lãnh thổ, nhân viên không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, xăng, dầu, hàng hóa.

Câu 6: Ba chức năng của Quốc hội

Hiến pháp năm 2013 đã xác định rõ hơn, khái quát hơn trên ba phương diện: thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Câu 7: Các thành viên của Chính phủ là ai?

Căn cứ theo Hiến pháp 2013 – Điều 94, các thành viên Chính phủ gồm:

- Thủ tướng Chính phủ
- Phó Thủ tướng Chính phủ
- Bộ trưởng
- Thứ trưởng các đơn vị (cơ quan ngang Bộ)

Câu 8: Nêu hàm ý nghĩa của Mác – Lênin và phi Mác – Lênin

1. Nhóm quan điểm phi Mác-xít: Bao gồm các học thuyết giải thích nguồn gốc nhà nước trên cơ sở siêu hình, ý chí chủ quan hoặc các yếu tố tự nhiên – xã hội phi lịch sử, cụ thể:

- Thuyết thần học cho rằng nhà nước do Thượng đế ban tặng nhằm điều hành thế giới trần tục.
- Thuyết gia trưởng cho rằng nhà nước hình thành từ sự phát triển và mở rộng của các gia đình, thị tộc.
- Thuyết khê ước xã hội cho rằng nhà nước ra đời do con người tự nguyện thỏa thuận với nhau để đảm bảo an toàn, quyền lợi và ổn định.
- Thuyết bạo lực lý giải nhà nước hình thành từ kết quả của xung đột, chiến tranh và sự áp đặt của nhóm mạnh hơn.
- Thuyết tâm lý cho rằng nhà nước ra đời từ nhu cầu tâm lý tự nhiên của con người trong việc phục tùng người khác.
- Thuyết quân quyền khẳng định quyền lực nhà nước là bẩm sinh, gắn liền với dòng máu và sự kế vị của vua chúa.
- Thuyết giáo quyền cho rằng nhà nước chịu sự chi phối và là công cụ của tôn giáo, đặc biệt là nhà thờ trong xã hội cổ – trung đại.

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin: Cho rằng nhà nước ra đời là kết quả khách quan của quá trình phát triển xã hội loài người, khi xã hội xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân hóa giai cấp. Nhà nước là công cụ của giai cấp thống trị nhằm duy trì trật tự xã hội theo lợi ích của họ, và là sản phẩm của mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa. Học thuyết này nhấn mạnh vai trò của yếu tố kinh tế – xã hội và lịch sử – hiện thực trong việc giải thích sự hình thành của nhà nước.

- Các điều kiện theo Mác-Lênin:
 - + Xuất hiện tư hữu

- + Mâu thuẫn không giải quyết được
- + nhà nước ra đời để xoa dịu các mâu thuẫn
- Các điều kiện theo Phi Mác:
 - + Thuyết thần quyền: thượng đế
 - + Thuyết gia trưởng: gia đình
 - + Thuyết xã hội:

Câu 9. Nhà nước ra đời là để giải quyết mâu thuẫn – đúng không?

→ Không đúng.

Theo Mác – Lênin: Nhà nước ra đời không phải để giải quyết mâu thuẫn, mà là để xoa dịu mâu thuẫn giai cấp theo hướng có lợi cho giai cấp thống trị.

Câu 10: Nhóm nguồn gốc của Nhà nước? bắt đầu từ trang 6

→ Có 2 nhóm nguồn gốc: theo quan điểm Mác-Lênin và Phi Mác.

- (Coi lại đầy đủ ý nghĩa, thông tin của 2 nhóm trên.)
- Có thể chia các quan điểm, học thuyết giao thoa nguồn gốc, sự ra đời của nhà nước thành hai nhóm chính là: các quan điểm phi Mác-xít/chủ nghĩa Mác Lênin về nguồn gốc nhà nước.

Câu 11. Trong các hình thức cấu trúc dân chủ (đại nghị, tổng thống, bán tổng thống), nhóm nào nắm quyền lực tối cao?

Dân chủ đại nghị: Quốc hội (nắm quyền tối cao).

Dân chủ tổng thống: Tổng thống (nắm hành pháp độc lập).

Dân chủ bán tổng thống: Tổng thống + Quốc hội chia sẻ quyền lực (tùy mô hình cụ thể).

Câu 12: (Nội dung và hình thức Nhà nước). Theo mô hình Đại nghị, Tổng thống giữ vai trò quyền lực tối cao? trang 34

→ Sai. Vì trong mô hình chính thể đại nghị, quyền lực tối cao thuộc về Quốc hội, Tổng thống chỉ đóng vai trò nghi lễ, không có thực quyền.

- Hình thức cộng hòa đại nghị là chính thể trong đó quốc hội giữ vai trò trung tâm quyền lực, chính phủ do quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước quốc hội, còn nguyên thủ quốc gia (thường là tổng thống) chỉ mang tính nghi lễ, không có quyền lực hành pháp thực tế.
- Thủ tướng – người đứng đầu chính phủ – mới là người điều hành đất nước. Mô hình này giúp kiểm soát quyền lực, đảm bảo tính dân chủ và tránh tập trung quyền lực vào một cá nhân.
- Ví dụ điển hình là Cộng hòa Liên bang Đức, nơi tổng thống chủ yếu thực hiện chức năng tượng trưng, còn thủ tướng mới là người quyết định chính sách và lãnh đạo nội các.

Câu 13. Nhà nước và pháp luật, cái nào ra đời trước?

- Luật tự nhiên: Pháp luật có trước, vì họ cho rằng pháp luật đã có sẵn trong xã hội.

- Luật thực định: Nhà nước có trước, pháp luật do nhà nước ban hành.
- Quan điểm Mác – Lê nin: Nhà nước và pháp luật ra đời đồng thời, cùng do mâu thuẫn giai cấp tạo ra, nguyên nhân nào ra đời nhà nước thì đó cũng là nguyên nhân ra đời của pháp luật.

Câu 14: “Tính đảm bảo thực hiện (tính bắt buộc chung) đảm bảo mọi người đều tuân thủ pháp luật? → Sai.

- Tính bắt buộc chung thể hiện pháp luật có hiệu lực ràng buộc mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội phải tuân thủ, và người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.
- Tuy nhiên, không có gì đảm bảo tuyệt đối, chỉ có thể ràng buộc về mặt pháp lý, còn thực tế thì còn phụ thuộc vào ý thức và cưỡng chế - mang tính quyền lực nhà nước là đặc trưng cơ bản của pháp luật.

Câu 15: Pháp luật là gì? (trang 89) → Pháp luật là các quy tắc xử sự chung mang tính bắt buộc do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội và bảo vệ quyền lợi của các tầng lớp dân cư trong xã hội

Câu 16: “Việt Nam có 3 nguồn pháp luật đúng hay sai”?

→ Sai. (Còn hỏi VN có 3 nguồn chính thì Đúng)

- VN có 3 nguồn pháp luật chính :

Văn bản quy phạm pháp luật, Tập quán pháp, Án lệ

- Ngoài ra, còn có thêm các nguồn hỗ trợ:

- + Điều ước quốc tế
- + Các quan điểm, tư tưởng, học thuyết của các nhà khoa học pháp lý
- + Các quan niệm về lẽ công bằng, chuẩn mực đạo đức xã hội
- + Hướng ước
- + Tín điều tôn giáo
- + Đường lối, chính sách của lực lượng cầm quyền
- + Hợp đồng
- + Pháp luật nước ngoài

HỆ THỐNG VB QPPL THEO LUẬT MỚI (SỬA ĐỔI) CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/01/2021				
HIẾN PHÁP (Quốc hội)				
BỘ LUẬT (Quốc hội)		LUẬT (Quốc hội)		NGHỊ QUYẾT (QH)
PHÁP LỆNH (UBTVQH)	NGHỊ QUYẾT (UBTVQH)	NO LIÊN TỊCH (UBTVQH với Đoàn UBTWQH, CP, Đoàn CT UBTWMTQVN)	NO LIÊN TỊCH (UBTVQH với Đoàn Chủ tịch UBTWMTQVN)	
LỆNH (Chủ tịch nước)		QUYẾT ĐỊNH (Chủ tịch nước)		
NGHỊ ĐỊNH (Chính phủ)		NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH (CP với Đoàn Chủ tịch UBTWMTQVN)		
QUYẾT ĐỊNH (Thủ tướng Chính phủ)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)				
THÔNG TƯ (Chánh án TANDTC)	THÔNG TƯ (Viện trưởng VKSNDTC)	THÔNG TƯ (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	THÔNG TƯ LIÊN TỊCH (Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Tổng Kiểm toán NN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	QUYẾT ĐỊNH (Tổng Kiểm toán nhà nước)
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)				
Văn bản QPPL (chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp huyện)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp huyện)				
NGHỊ QUYẾT (của Hội đồng nhân dân cấp xã)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp xã)				

Câu 17: BCH Trung ương Đảng đã ban hành ra nghị quyết số 18 về Nghị quyết số 18 đó có được coi là văn bản quy phạm pháp luật không?

→ Không. Vì BCH Trung ương Đảng không phải là cơ quan Nhà nước nên nếu nó có ban hành nghị quyết thì nó vẫn không phải là một VB quy phạm pháp luật

Câu 18: “Chính phủ là cơ quan quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” đúng hay sai? → Sai. Vì nó thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

Câu 19: Các trường phái của Pháp luật?

→ Phương Đông và phương Tây

- Phương Đông:

- + Trường phái Nho gia – đề cao đạo đức, lễ nghi và giáo hóa.
- + Trường phái Pháp gia – coi trọng luật pháp nghiêm khắc để trị nước.

- Phương Tây:

- + Trường phái pháp luật tự nhiên – nhấn mạnh sự công bằng và đạo lý vốn có
- + Trường phái pháp luật thực định – coi pháp luật là hệ thống quy phạm do nhà nước ban hành;
- + Trường phái Mác-xít – phân tích pháp luật dưới góc nhìn đấu tranh giai cấp và sự phát triển lịch sử của xã hội.

=> **Sự khác biệt này phản ánh đặc trưng văn hóa, lịch sử và tư duy pháp lý của mỗi khu vực:** Các trường phái PL phương Đông thường chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng triết học và đạo đức, coi trọng giáo hóa và trật tự xã hội hơn là quy phạm pháp lý chặt chẽ. Còn phương Tây thiên về lý tính, phân tích và hệ thống hóa pháp luật, xem pháp luật là công cụ quản lý xã hội gắn với nhà nước, công lý và quan hệ giai cấp.

Câu 20: Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền đặt ra và thu các loại thuế.

-> **Đúng.** Vì:

- Bộ máy nhà nước gồm những người tách ra khỏi lao động, sản xuất trực tiếp để chuyên thực hiện chức năng quản lý xã hội, nó không thể tồn tại được nếu không có nguồn nuôi dưỡng.

- Nhằm nuôi dưỡng bộ máy nhà nước, duy trì quyền lực quyền lực xã hội của nhà nước, đồng thời để tiến hành các hoạt động vì lợi ích chung của toàn xã hội, mọi nhà nước đều quy định và thực hiện việc thu các loại thuế một cách bắt buộc đối với công dân của mình.

Nhà nước là tổ chức duy nhất có tư cách đại diện chính thức cho toàn xã hội. Do đó, nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền ban hành quy định về các loại thuế và thu thuế phù hợp với bản chất, nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động của mình.

Câu 21: Nhà nước là công cụ thống trị của giai cấp thống trị trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và tư tưởng.(Sách trang 18)

- Nhận định trên là đúng, Vì: Tính giai cấp của nhà nước thể hiện ở chỗ: Nhà nước là bộ máy chuyên chính giai cấp, tức là công cụ để thực hiện, củng cố và bảo vệ lợi ích, duy trì địa vị và sự thống trị của giai cấp thống trị trong xã hội trên cả ba lĩnh vực:

+ Kinh tế: nắm TLSX chủ yếu, sở hữu phần lớn tài sản, bắt các giai cấp khác phải phụ thuộc.

+ Chính trị: thiết lập bộ máy cai trị, cuồng chế.

+ Tư tưởng: xây dựng hệ tư tưởng phản ánh lợi ích của giai cấp mình để áp đặt, bắt buộc các giai cấp khác phải tuân theo.

Câu 22: Căn cứ hình thức chính thể của nhà nước, ta biết được nhà nước đó có dân chủ hay không.

-> **Sai.**

Vì: Hình thức chính thể là cách thức tổ chức và trình tự thành lập các cơ quan tối cao của nhà nước cùng với mối quan hệ giữa các cơ quan ấy với nhau và với nhân dân. Muốn biết nhà

nước có dân chủ hay không phải thông qua phương pháp, biện pháp, cách thức mà các cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước, đó là chế độ chính trị.

Câu 23: Trong hình thức chính thể cộng hòa đại nghị, tổng thống là chức danh có quyền lực tối cao nhất.

Đây là một nhận định **sai**.

Vì trong chính thể cộng hòa đại nghị, Tổng thống chủ yếu có vai trò tượng trưng, đại diện cho quốc gia, dân tộc, với quyền lực hạn chế. Trong hình thức chính thể này, Chính phủ do các đảng chính trị chiếm đa số trong nghị viện thành lập và chịu trách nhiệm trước Nghị viện. Người đứng đầu chính phủ là thủ tướng. Và Thủ tướng là thủ lĩnh của Đảng chiếm ưu thế trong nghị viện. Do đó, Thủ tướng mới là người có thực quyền hơn Tổng thống..

Câu 24: Không thể có chế độ chính trị dân chủ trong một nhà nước chính thể quân chủ tuyệt đối

Đây là một nhận định **đúng**.

Vì: Chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp, biện pháp và cách thức mà các cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước. Trong chính thể quân chủ tuyệt đối, người đứng đầu nhà nước (vua, hoàng đế, quốc vương...) có quyền lực tối cao và vô hạn trong cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp, thường sử dụng biện pháp cai trị độc đoán, tàn bạo, chuyên chế cực đoan để cai trị. Do đó, không thể có chế độ chính trị dân chủ trong một nhà nước chính thể quân chủ tuyệt đối

Câu 25: Ở nước ta, sự phân quyền và cơ chế kiềm chế – đối trọng giữa các cơ quan nhà nước là biểu hiện của quyền lực thuộc về nhân dân.

→ **Sai**. Sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước là biểu hiện của tổ chức bộ máy nhà nước pháp quyền XHCN, không phải là nội dung trực tiếp của “quyền lực thuộc về nhân dân.”

“Quyền lực thuộc về nhân dân” được thể hiện qua: bầu cử, trưng cầu ý dân, Quốc hội đại diện cho nhân dân...

Căn cứ: Điều 2 – Hiến pháp 2013: “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ.*”

Câu 26: Giải quyết tranh chấp chỉ có thể dựa vào các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật. → **Sai**.

Ngoài văn bản quy phạm pháp luật, **Tòa án có thể áp dụng**:

- **Án lệ** (nếu được Hội đồng Thẩm phán TANDTC lựa chọn, công bố).
- **Tập quán pháp** (nếu không trái nguyên tắc pháp luật).

Câu 27: Chính phủ luôn chịu trách nhiệm trước Quốc hội hay Nghị viện.

→ **Sai**.

- Chỉ đúng trong **chính thể đại nghị**.

- Ở Việt Nam (mô hình XHCN), **Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội**, nhưng **không phải theo cơ chế "Nghị viện kiểm sát Chính phủ"** như trong **chính thể đại nghị**.

Câu 28: Chủ tịch Quốc hội nước Việt Nam là người đứng đầu Nhà nước.

→ **Sai.** Chủ tịch nước mới là người đứng đầu Nhà nước, là nguyên thủ quốc gia.

Căn cứ: Hiến pháp 2013 – Điều 86: “*Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại.*”

Câu 29: . Chủ tịch nước không phải là một cơ quan nhà nước.

→ **Sai.** Chủ tịch nước là **cơ quan nhà nước trung ương** – có cơ cấu, chức năng, quyền lực được Hiến pháp quy định.

Câu 30: . Đứng đầu Chính phủ là Thủ tướng Chính phủ.

→ **Đúng.** **Hiến pháp 2013 – Điều 94:** “*Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam. Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ.*”

Bảng tra câu hỏi cho 102 câu hỏi về Lý luận nhà nước và pháp luật

1. Mọi quy tắc xử sự tồn tại trong xã hội có Nhà nước đều là pháp luật.
2. Nhà nước ra đời, tồn tại và phát triển gắn liền với xã hội có giai cấp.
3. Tùy vào các kiểu Nhà nước khác nhau mà bản chất Nhà nước có thể là bản chất giai cấp hoặc bản chất xã hội.
4. Nhà nước mang bản chất giai cấp có nghĩa là Nhà nước chỉ thuộc về một giai cấp hoặc một liên minh giai cấp nhất định trong xã hội.
5. Nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt do giai cấp thống trị tổ chức ra và sử dụng để thể hiện sự thống trị đối với xã hội.
6. Không chỉ Nhà nước mới có bộ máy chuyên chế làm nhiệm vụ cưỡng chế, điều đó đã tồn tại từ xã hội cộng sản nguyên thủy.
7. Nhà nước là một bộ máy bạo lực do giai cấp thống trị tổ chức ra để trấn áp các giai cấp đối kháng.
8. Nhà nước trong xã hội có cấp quản lý dân cư theo sự khác biệt về chính trị, tôn giáo, địa vị giai cấp.
9. Trong ba loại quyền lực kinh tế, quyền lực chính trị, quyền lực tư tưởng thì quyền lực chính trị đóng vai trò quan trọng nhất vì nó đảm bảo sức mạnh cưỡng chế của giai cấp thống trị đối với giai cấp bị trị.
10. Kiểu Nhà nước là cách tổ chức quyền lực của Nhà nước và những phương pháp để thực hiện quyền lực Nhà nước.
11. Chức năng lập pháp của Nhà nước là hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật.

12. Chức năng hành pháp của Nhà nước là mặt hoạt động nhằm đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh và bảo vệ pháp luật trước những hành vi vi phạm.
13. Chức năng tư pháp của Nhà nước là mặt hoạt động bảo vệ pháp luật.
14. Giai cấp thống trị đã thông qua Nhà nước để xây dựng hệ tư tưởng của giai cấp mình thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội.
15. Chức năng xã hội của Nhà nước là giải quyết tất cả các vấn đề khác nảy sinh trong xã hội.
16. Lãnh thổ, dân cư là những yếu tố cấu thành nên một quốc gia.
17. Nhà nước là chủ thể duy nhất có khả năng ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật.
18. Nhà nước thu thuế của nhân dân với mục đích duy nhất nhằm đảm bảo công bằng trong xã hội và tiền thuế nhằm đầu tư cho người nghèo.
19. Thông qua hình thức Nhà nước biết được ai là chủ thể nắm quyền lực Nhà nước và việc tổ chức thực thi quyền lực Nhà nước như thế nào.
20. Căn cứ chính thể của Nhà nước, ta biết được Nhà nước đó có dân chủ hay không.
21. Chế độ chính trị là toàn bộ các phương pháp, cách thức thực hiện quyền lực của Nhà nước.
22. Chế độ chính trị thể hiện mức độ dân chủ của Nhà nước.
23. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hình thức cấu trúc Nhà nước đơn nhất.
24. Cơ quan Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn mang tính quyền lực Nhà nước.
25. Bộ máy Nhà nước là tập hợp các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương.
26. Cơ quan Nhà nước làm việc theo chế độ tập thể trước khi quyết định phải thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số.
27. Quốc hội là cơ quan hành chính cao nhất của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
28. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân.
29. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhất của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
30. Chủ quyền quốc gia là quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối nội.
31. Chủ tịch nước không bắt buộc là đại biểu Quốc hội.

32. Thủ tướng chính phủ do chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 33. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương, do nhân dân bầu ra.
 34. Ủy ban nhân dân địa phương có quyền ban hành nghị định, quyết định.
 35. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân là hai cơ quan có chức năng xét xử ở nước ta.
 36. Đảng cộng sản Việt Nam là một cơ quan trong bộ máy nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 37. Chỉ có pháp luật mới mang tính quy phạm.
 38. Ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật.
-
39. Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước, các cá nhân tổ chức ban hành.
 40. Nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực hiện bằng những biện pháp như giáo dục thuyết phục, khuyến khích và cưỡng chế.
 41. Pháp luật Việt Nam thừa nhận tập quán, tiền lệ là nguồn chủ yếu của pháp luật.
 42. Pháp luật Việt Nam chỉ thừa nhận nguồn hình thành pháp luật duy nhất là các văn bản quy phạm pháp luật.
 43. Tập quán là những quy tắc xử sự được xã hội công nhận và truyền từ đời này sang đời khác.
 44. Tiền lệ là những quy định hành chính và án lệ.
 45. Chủ thể pháp luật chính là chủ thể quan hệ pháp luật và ngược lại.
 46. Những quan hệ pháp luật mà Nhà nước tham gia thì luôn thể hiện ý chí của Nhà nước.
 47. Quan hệ pháp luật phản ánh ý chí của các bên tham gia quan hệ.
 48. Công dân đương nhiên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.
 49. Cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật sẽ trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật.
 50. Năng lực hành vi của mọi cá nhân là như nhau.
 51. Năng lực pháp luật của mọi pháp nhân là như nhau.
 52. Năng lực pháp luật của chủ thể là khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ do chủ thể đó tự quy định.
 53. Năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia.
 54. “Năng lực hành vi của chủ thể” phụ thuộc vào độ tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ của chủ thể.
 55. Chủ thể không có năng lực hành vi thì không thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.
 56. Năng lực pháp luật phát sinh kể từ khi các cá nhân được sinh ra.
 57. Khi cá nhân bị hạn chế về năng lực pháp luật thì đương nhiên cũng bị hạn chế về năng

lực hành vi.

58. Năng lực pháp luật của Nhà nước là không thể bị hạn chế.
59. Nội dung của quan hệ pháp luật đồng nhất với năng lực pháp luật vì nó bao gồm quyền và nghĩa vụ pháp lý.
60. Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể chính là hành vi pháp lý.
61. Khách thể của quan hệ pháp luật là những yếu tố thúc đẩy cá nhân, tổ chức tham gia vào quan hệ pháp luật.
62. Sự kiện pháp lý là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.
63. Các quan hệ pháp luật xuất hiện do ý chí các cá nhân.
64. Đối với cá nhân, năng lực hành vi gắn với sự phát triển của con người và do các cá nhân đó tự quy định.
65. Người bị hạn chế về năng lực hành vi thì không bị hạn chế về năng lực pháp luật.
66. Người bị kết án tù có thời hạn chỉ bị hạn chế về năng lực hành vi, không bị hạn chế năng lực pháp luật.
67. Người say rượu là người có năng lực hành vi hạn chế.
68. Năng lực pháp luật có tính giai cấp, còn năng lực hành vi không có tính giai cấp.
69. Người đủ từ 18 tuổi trở lên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.
70. Nhà nước là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.
71. Nghĩa vụ pháp lý đồng nhất với hành vi pháp lý của chủ thể.
72. Chủ thể của hành vi pháp luật luôn là chủ thể của quan hệ pháp luật và ngược lại.
73. Năng lực pháp luật của người đã thành niên thì rộng hơn người chưa thành niên.
74. Năng lực pháp luật của các cá nhân chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật.
75. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều là những hành vi trái pháp luật.
76. Mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý.
77. Những quan điểm tiêu cực của chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài (mặt khách quan) của vi phạm pháp luật.
78. Hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra đều phải là sự thiệt hại về vật chất.
79. Sự thiệt hại về vật chất là dấu hiệu bắt buộc của vi phạm pháp luật.
80. Chủ thể của vi phạm pháp luật có thể chịu đồng thời nhiều trách nhiệm pháp lý.
81. Không thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thì không bị xem là có lỗi.
82. Hành vi chưa gây thiệt hại cho xã hội thì chưa bị xem là vi phạm pháp luật.
83. Phải là người đủ 18 tuổi trở lên thì mới được coi là chủ thể của vi phạm pháp luật.
84. Sự thiệt hại thực tế xảy ra cho xã hội là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của vi phạm pháp luật.
85. Một hành vi vừa có thể đồng thời là vi phạm pháp luật hình sự vừa là vi phạm pháp luật hành chính, nhưng không thể đồng thời là vi phạm pháp luật dân sự, vừa là vi phạm pháp luật hình sự.

86. Trách nhiệm pháp lý là bộ phận chế tài trong quy phạm pháp luật.
87. Mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý và ngược lại.
88. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.
89. Mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật.
90. Quan điểm tiêu cực của các chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài của vi phạm pháp luật.
91. Mọi hậu quả do vi phạm pháp luật gây ra đều phải được thực hiện dưới dạng vật chất.
92. Một vi phạm pháp luật không thể đồng thời gánh chịu nhiều loại trách nhiệm pháp lý.
93. Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật lacji hậu, thể hiện trình độ pháp lý thấp.
94. Pháp luật luôn tác động tích cực đối với kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển.
95. Pháp luật là tiêu chuẩn (chuẩn mực) duy nhất đánh giá hành vi của con người.
96. Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật lacji hậu, thể hiện trình độ pháp lý thấp.
97. Các quy phạm xã hội luôn đóng vai trò hỗ trợ việc thực hiện pháp luật.
98. Mọi Nhà nước đều phải trải qua 4 kiểu Nhà nước.
99. Nhà nước là một hiện tượng bất biến trong xã hội.
100. Quyền lực chỉ xuất hiện và tồn tại trong xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp.
101. Công xã nguyên thủy không tồn tại Nhà nước vì không tồn tại hệ thống quản lý quyền lực.
102. Nhu cầu trị thủy là yếu tố căn bản hình thành Nhà nước ở các quốc gia phương Đông.



Nhận định đúng sai - tài liệu

Pháp Luật Đại Cương (Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Mọi quy tắc xử sự tồn tại trong xã hội có nhà nước đều là pháp luật.

Sai. Các quan hệ xã hội của chúng ta được điều chỉnh bởi các quy phạm đạo đức và các quy phạm pháp luật, mà các quy phạm đạo đức thì có thể được thể chế hóa và đưa lên thành các quy phạm pháp luật nhưng không phải quy phạm đạo đức nào cũng được đưa lên thành luật cả. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội cho nên các quy tắc ứng xử được coi là các chuẩn mực đạo đức đó không nhất thiết phải được xem là pháp luật mà nó song song tồn tại trong xã hội.

2. Nhà nước ra đời, tồn tại và phát triển gắn liền với xã hội có giai cấp.

Đúng. Nhà nước mang bản chất giai cấp. Nó ra đời, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp, là sản phẩm của đấu tranh giai cấp và do một hay một liên minh giai cấp nắm giữ.

3. Tùy vào các kiểu nhà nước khác nhau mà bản chất nhà nước có thể là bản chất giai cấp hoặc bản chất xã hội.

Sai. Nhà nước nào cũng mang bản chất giai cấp.

4. Nhà nước mang bản chất giai cấp có nghĩa là nhà nước chỉ thuộc về một giai cấp hoặc một liên minh giai cấp nhất định trong xã hội.

Sai. Nhà nước mang bản chất giai cấp, nghĩa là nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác, là công cụ bạo lực để duy trì sự thống trị của giai cấp.

5. Nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt do giai cấp thống trị tổ chức ra và sử dụng để thể hiện sự thống trị đối với xã hội.

Đúng. Nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác, là công cụ bạo lực để duy trì sự thống trị của giai cấp.

6. Không chỉ nhà nước mới có bộ máy chuyên chế làm nhiệm vụ cưỡng chế, điều đó đã tồn tại từ xã hội cộng sản nguyên thủy.

Sai. Sự cưỡng chế trong xã hội cộng sản nguyên thủy không phải là một bộ máy chuyên chế, mà do toàn bộ thị tộc bộ lạc tổ chức.

7. Nhà nước là một bộ máy bạo lực do giai cấp thống trị tổ chức ra để trấn áp các giai cấp đối kháng.

Đúng. Từ sự phân tích bản chất giai cấp của nhà nước cho thấy: nhà nước là một bộ máy bạo lực do giai cấp thống trị tổ chức ra để chuyên chính các giai cấp đối kháng.

8. Nhà nước trong xã hội có cấp quản lý dân cư theo sự khác biệt về chính trị, tôn giáo, địa vị giai cấp.

Sai. Đặc điểm cơ bản của nhà nước là phân chia dân cư theo lãnh thổ, tổ chức thành các đơn vị hành chính-lãnh thổ trong phạm vi biên giới quốc gia.

9. Trong ba loại quyền lực kinh tế, quyền lực chính trị, quyền lực tư tưởng thì quyền lực chính trị đóng vai trò quan trọng nhất vì nó đảm bảo sức mạnh cưỡng chế của giai cấp thống trị đối với giai cấp bị trị.

Sai. Quyền lực kinh tế là quan trọng nhất, vì kinh tế quyết định chính trị, từ đó đảm bảo quyền áp đặt tư tưởng.

10. Kiểu nhà nước là cách tổ chức quyền lực của nhà nước và những phương pháp để thực hiện quyền lực nhà nước.

Sai. Kiểu nhà nước là tổng thể các đặc điểm cơ bản của nhà nước, thể hiện bản chất giai cấp, vai trò xã hội, những điều kiện tồn tại và phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định.

11. Chức năng lập pháp của nhà nước là hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật.

Sai. Quyền lập pháp là quyền làm luật, xây dựng luật và ban hành những văn bản luật trên tất cả các lĩnh vực của xã hội.

12. Chức năng hành pháp của nhà nước là mặt hoạt động nhằm đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh và bảo vệ pháp luật trước những hành vi vi phạm.

Sai. Chức năng hành pháp bao gồm 2 quyền, quyền lập quy và quyền hành chính :

+) Quyền lập quy là quyền ban hành những văn bản dưới luật nhằm cụ thể hóa pháp luật do cơ quan lập pháp ban hành

+) Quyền hành chính là quyền tổ chức tất cả các mặt các quan hệ xã hội bằng cách sử dụng quyền lực nhà nước.

13. Chức năng tư pháp của nhà nước là mặt hoạt động bảo vệ pháp luật.

Sai. Chức năng tư pháp là chức năng của nhà nước có trách nhiệm duy trì, bảo vệ công lý và trật tự pháp luật.

14. Giai cấp thống trị đã thông qua nhà nước để xây dựng hệ tư tưởng của giai cấp mình thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội.

Đúng. Do nắm quyền lực kinh tế và chính trị bằng con đường nhà nước, giai cấp thống trị đã xây dựng hệ tư tưởng của giai cấp mình thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội buộc các giai cấp khác bị lệ thuộc về tư tưởng.

15. Chức năng xã hội của nhà nước là giải quyết tất cả các vấn đề khác nảy sinh trong xã hội.

Sai. Chức năng xã hội của nhà nước chỉ thực hiện quản lý những hoạt động vì sự tồn tại của xã hội, thỏa mãn một số nhu cầu chung của cộng đồng.

16. Lãnh thổ, dân cư là những yếu tố cấu thành nên một quốc gia.

Sai. Các yếu tố cấu thành nên một quốc gia gồm có : Lãnh thổ xác định, cộng đồng dân cư ổn định, Chính phủ với tư cách là người đại diện cho quốc gia trong quan hệ quốc tế, Khả năng độc lập tham gia vào các quan hệ pháp luật quốc tế.

17. Nhà nước là chủ thể duy nhất có khả năng ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật.

Đúng. Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát triển theo ý chí của nhà nước.

18. Nhà nước thu thuế của nhân dân với mục đích duy nhất nhằm đảm bảo công bằng trong xã hội và tiền thuế nhằm đầu tư cho người nghèo.

Sai. Nhà nước thu thuế của nhân dân nhằm :

- Tất cả mọi hoạt động của chính quyền cần phải có nguồn tài chính để chi (đầu tiên là nuôi bộ máy nhà nước); nguồn đầu tiên đó là các khoản thu từ thuế.
- Thuế là công cụ rất quan trọng để chính quyền can thiệp vào sự hoạt động của nền kinh tế bao gồm cả nội thương và ngoại thương.
- Chính quyền cung ứng các hàng hóa công cộng cho công dân, nên công dân phải có nghĩa vụ ủng hộ tài chính cho chính quyền (vì thế ở Việt Nam và nhiều nước mới có thuật ngữ "nghĩa vụ thuế").
- Giữa các nhóm công dân có sự chênh lệch về thu nhập và do đó là chênh lệch về mức sống, nên chính quyền sẽ đánh thuế để lấy một phần thu nhập của người giàu hơn và chia cho người nghèo hơn (thông qua cung cấp hàng hóa công cộng).
- Chính quyền có thể muốn hạn chế một số hoạt động của công dân (ví dụ hạn chế vi phạm luật giao thông hay hạn chế hút thuốc lá, hạn chế uống rượu) nên đánh thuế vào các hoạt động này.
- Chính quyền cần khoản chi tiêu cho các khoản phúc lợi xã hội và phát triển kinh tế.
- Rõ ràng rằng, tiền thuế không chỉ nhằm đầu tư cho người nghèo.

19. Thông qua hình thức nhà nước biết được ai là chủ thể nắm quyền lực nhà nước và việc tổ chức thực thi quyền lực nhà nước như thế nào.

Sai. Quyền lực nhà nước được hiểu là sự phản ánh cách thức tổ chức và phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước của mỗi kiểu nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định. Như vậy, để xác định những điều trên, ngoài hình thức nhà nước, phải xác định xem hình thái kinh tế xã hội ở đây là gì.

20. Căn cứ chính thể của nhà nước, ta biết được nhà nước đó có dân chủ hay không.

Sai. nhà nước dân chủ hay không chỉ căn cứ chính thể của nhà nước, mà còn căn cứ vào những điều được quy định trong hiến pháp và thực trạng của nhà nước đó.

21. Chế độ chính trị là toàn bộ các phương pháp, cách thức thực hiện quyền lực của nhà nước.

Đúng. Chế độ chính trị là toàn bộ phương pháp, thủ đoạn, cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước của mình.

22. Chế độ chính trị thể hiện mức độ dân chủ của nhà nước

Sai. Chế độ chính trị chỉ quyết định một phần mức độ dân chủ của nhà nước, ngoài ra mức độ đó còn phụ thuộc vào thực trạng của nhà nước đó.

23. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hình thức cấu trúc nhà nước đơn nhất.

Đúng. Hình thức cấu trúc nhà nước CHXHCN VN là nhà nước đơn nhất, được Hiến pháp quy định tại điều 1: Nước CHXHCN VN là một nhà nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời.

24. Cơ quan nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn mang tính quyền lực nhà nước. Đúng. Hoạt động của cơ quan nhà nước mang tính quyền lực và được đảm bảo bởi nhà nước.

25. Bộ máy nhà nước là tập hợp các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.

Đúng. Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước từ TW đến địa phương được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc chung, thống nhất nhằm thực hiện những nhiệm vụ và chức năng của nhà nước, vì lợi ích của giai cấp thống trị.

26. Cơ quan nhà nước làm việc theo chế độ tập thể trước khi quyết định phải thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số.

Sai. Cơ quan nhà nước hoạt động dựa trên các quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp cao hơn.

27. Quốc hội là cơ quan hành chính cao nhất của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sai. Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan chấp hành của quốc hội.

28. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân.

Đúng. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, do dân bầu ra và là cơ quan quyền lực nhất của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

29. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhất của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đúng. Theo hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, mà quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, do dân bầu ra nên đây là cơ quan quyền lực nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

30. Chủ quyền quốc gia là quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối nội.

Sai. Chủ quyền quốc gia là quyền độc lập tự quyết của quốc gia cả trong lĩnh vực đối nội và đối ngoại.

31. Chủ tịch nước không bắt buộc là đại biểu quốc hội.

Sai. Căn cứ điều 87 hiến pháp 2013, chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số các đại biểu quốc hội.

32. Thủ tướng chính phủ do chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Sai. Căn cứ điều 98 hiến pháp 2013, thủ tướng chính phủ do Quốc hội bầu trong số đại biểu quốc hội.

33. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, do nhân dân bầu ra.

Đúng. Theo điều 1 luật Tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (2003) Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

34. Ủy ban nhân dân địa phương có quyền ban hành nghị định, quyết định.
Sai. Nghị định là chủ trương đường lối chỉ do chính phủ ban hành.

35. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân là hai cơ quan duy nhất có chức năng xét xử ở nước ta.

Sai. Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử.

36. Đảng cộng sản Việt Nam là một cơ quan trong bộ máy nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sai. Đảng cộng sản Việt Nam là tổ chức lãnh đạo Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

37. Chỉ có pháp luật mới mang tính quy phạm.

Sai. Ngoài pháp luật, các quy phạm xã hội khác cũng mang tính quy phạm.

38. Ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật.

Sai. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật thể hiện ở chỗ Pháp luật là những quy tắc sử sự chung, được coi là khuôn mẫu chuẩn mực đối với hành vi của một cá nhân hay tổ chức.

39. Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước, các cá nhân tổ chức ban hành.

Sai. Văn bản quy phạm nhà nước do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các cá nhân có thẩm quyền ban hành.

40. Nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực hiện bằng những biện pháp như giáo dục thuyết phục, khuyến khích và cưỡng chế.

Sai. Nhà nước bảo đảm cho pháp luật bằng duy nhất biện pháp cưỡng chế.

41. Pháp luật việt nam thừa nhận tập quán, tiền lệ là nguồn chủ yếu của pháp luật.

Sai. Các văn bản quy phạm pháp luật là nguồn chủ yếu của pháp luật Việt Nam.

42. Pháp luật việt nam chỉ thừa nhận nguồn hình thành pháp luật duy nhất là các văn bản quy phạm pháp luật.

Sai. Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật, nguồn của pháp luật còn bắt nguồn từ tiền lệ, tập quán, các quy tắc chung của quốc tế...

43. Tập quán là những quy tắc xử sự được xã hội công nhận và truyền từ đời này sang đời khác.

Sai. Tập quán chỉ được cộng đồng nơi tồn tại tập quán đó thừa nhận.

44. Tiền lệ là những quy định hành chính và án lệ.

Sai. Tiền lệ bao gồm hệ thống các án lệ, những vụ việc đã được xét xử trước đó, được nhà nước xem là khuôn mẫu. Các quy định hành chính được nhà nước ban hành, không phải tiền lệ.

45. Chủ thể pháp luật chính là chủ thể quan hệ pháp luật và ngược lại.

Sai. Chủ thể pháp luật là Cá nhân, tổ chức có khả năng có quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật. Chủ thể pháp luật khác với chủ thể quan hệ pháp luật. Để trở thành chủ thể pháp luật chỉ cần có năng lực pháp luật, nhưng để trở thành chủ thể của một quan hệ pháp luật cụ thể thì phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi pháp luật, tức là phải có khả năng tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

46. Những quan hệ pháp luật mà nhà nước tham gia thì luôn thể hiện ý chí của nhà nước.

Đúng. Nhà nước là chủ thể đặc biệt của những quan hệ pháp luật, do pháp luật do nhà nước đặt ra. Khi tham gia những quan hệ pháp luật, thì những quan hệ đó luôn luôn thể hiện ý chí của nhà nước.

47. Quan hệ pháp luật phản ánh ý chí của các bên tham gia quan hệ.

Đúng. Quan hệ pháp luật phản ánh ý chí của nhà nước và ý chí các bên tham gia quan hệ trong khuôn khổ ý chí của nhà nước.

48. Công dân đương nhiên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.

Sai. Chủ thể của pháp luật còn có thể là các tổ chức có năng lực pháp lý.

49. Cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật sẽ trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật.

Sai. Muốn trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật đó, cá nhân phải có năng lực hành vi.

50. Năng lực hành vi của mọi cá nhân là như nhau.

Sai. Năng lực hành vi của mỗi cá nhân có thể khác nhau, ví dụ người dưới 18 tuổi so với người từ 18 tuổi trở lên.

51. Năng lực pháp luật của mọi pháp nhân là như nhau.

Sai. Các pháp nhân được quy định năng lực pháp luật ở mức độ khác nhau, dựa trên quy định của pháp luật.

52. Năng lực pháp luật của chủ thể là khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ do chủ thể đó tự quy định.

Sai. Năng lực pháp luật của chủ thể là khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định.

53. Năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia.

Đúng. Năng lực pháp luật của chủ thể do pháp luật quy định, mỗi pháp luật lại phụ thuộc vào quốc gia ban hành.

54. “Năng lực hành vi của chủ thể” phụ thuộc vào độ tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ của chủ thể.

Sai. Nó không phụ thuộc vào trình độ của chủ thể.

55. Chủ thể không có năng lực hành vi thì không thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.

Sai. Chủ thể không có năng lực hành vi có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật thông qua người ủy quyền, người giám hộ...

56. Năng lực pháp luật phát sinh kể từ khi các cá nhân được sinh ra.

Đúng. Chỉ có năng lực pháp luật của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.

57. Khi cá nhân bị hạn chế về năng lực pháp luật thì đương nhiên cũng bị hạn chế về năng lực hành vi.

Đúng. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi cùa mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự (Điều 17 luật dân sự) do đó khi bị chế năn lực pháp luật, thì đương nhiên cũng bị hạn chế về nang lực hành vi.

58. Năng lực pháp luật của nhà nước là không thể bị hạn chế.

Sai. Năng lực pháp luật của nhà nước bị hạn chế bởi pháp luật.

59. Nội dung của quan hệ pháp luật đồng nhất với năng lực pháp luật vì nó bao gồm quyền và nghĩa vụ pháp lý.

Sai. Năng lực pháp luật xuất hiện từ lúc sinh, tuy nhiên quan hệ pháp luật phụ thuộc vào một số yếu tố khác(ví dụ đủ 18 tuổi mới có thể kết hôn...)

60. Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể chính là hành vi pháp lý.

Sai. Nghĩa vụ pháp lý là những hành vi mà pháp luật quy định các cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ phải thực hiện. Hành vi pháp lý là những sự kiện xảy ra theo ý chí của con người(VD hành vi trộm cắp...)

61. Khách thể của quan hệ pháp luật là những yếu tố thúc đẩy cá nhân, tổ chức tham gia vào quan hệ pháp luật.

Đúng. Khách thể của quan hệ pháp luật là những lợi ích mà các chủ thể mong muốn đạt được khi tham gia vào quan hệ pháp luật đó.

62. Sự kiện pháp lý là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.

Sai. Sự kiện pháp lý là những sự việc cụ thể xảy ra trong đời sống phù hợp với những điều kiện, hoàn cảnh đã được dự liệu trong một quy phạm pháp luật từ đó làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL cụ thể

63. Các quan hệ pháp luật xuất hiện do ý chí các cá nhân.

Sai. Các quan hệ pháp luật xuất hiện do ý chí các cá nhân, tuy nhiên cũng phải trong khuôn khổ ý chí của nhà nước.

64. Đối với cá nhân, năng lực hành vi gắn với sự phát triển của con người và do các cá nhân đó tự quy định.

Sai. Năng lực hành vi của mỗi cá nhân là do pháp luật quy định.

65. Người bị hạn chế về năng lực hành vi thì không bị hạn chế về năng lực pháp luật.

Sai. Người bị hạn chế về năng lực pháp luật cũng đồng thời bị hạn chế về năng lực hành vi.

66. Người bị kết án tù có thời hạn chỉ bị hạn chế về năng lực hành vi, không bị hạn chế năng lực pháp luật.

Sai. Những người này bị hạn chế về năng lực pháp luật (VD: không có năng lực pháp luật để ký kết hợp đồng kinh tế)

67. Người say rượu là người có năng lực hành vi hạn chế.

Sai. Người có năng lực hành vi hạn chế là người được tòa án tuyên bố bị hạn chế năng lực hành vi.

68. Năng lực pháp luật có tính giai cấp, còn năng lực hành vi không có tính giai cấp.

Đúng.

- NLPL là khả năng của cá nhân (thể nhân), pháp nhân (tổ chức, cơ quan) hưởng quyền và nghĩa vụ theo luật định. Do vậy, khả năng này chịu ảnh hưởng sâu sắc của tính giai cấp, và do đặc trưng giai cấp quyết định. Mỗi giai cấp cầm quyền sẽ có đặc trưng khác nhau, xây dựng một chế độ khác nhau nên sẽ trao cho công dân của mình những quyền và nghĩa vụ khác nhau.

- Còn NLHV (hay còn gọi là năng lực hành vi dân sự của cá nhân) là khả năng của một người, thông qua các hành vi của mình để xác lập hoặc/và thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự đối với người khác. Như vậy, có thể hiểu là năng lực hành vi dân sự gắn với từng người, mang tính cá nhân, phát sinh khi cá nhân mỗi người bằng khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, xác lập quan hệ với người hay tổ chức khác, nó không phụ thuộc vào đặc trưng giai cấp.

69. Người đủ từ 18 tuổi trở lên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.

Sai. Chủ thể của quan hệ pháp luật có thể là tổ chức có tư cách pháp nhân.

70. Nhà nước là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.

Sai. Chủ thể của các quan hệ pháp luật có thể là các cá nhân có đầy đủ năng lực, hoặc các tổ chức có tư cách pháp nhân.

71. Nghĩa vụ pháp lý đồng nhất với hành vi pháp lý của chủ thể.

Sai. Nghĩa vụ pháp lý là những điều được quy định trong văn bản pháp lý. Hành vi pháp lý là những hành vi xảy ra phụ thuộc vào ý chí của cá nhân (có thể phù hợp hoặc vi phạm văn bản pháp lý)

72. Chủ thể của hành vi pháp luật luôn là chủ thể của quan hệ pháp luật và ngược lại.

Sai. các quan hệ pháp luật chỉ xuất hiện khi có sự kiện pháp lý chủ thể của hành vi pháp luật thì không.

73. Năng lực pháp luật của người đã thành niên thì rộng hơn người chưa thành niên.

Sai. Năng lực pháp luật của mọi người là như nhau, xuất hiện từ khi ra đời (trừ khi bị hạn chế bởi pháp luật).

74. Năng lực pháp luật của các cá nhân chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật.

Đúng. NLPL của các cá nhân chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật mà nội dung của nó phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế , chính trị, xã hội...

75. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều là những hành vi trái pháp luật.

Đúng. Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, vi phạm những quy định trong các quy phạm pháp luật, gây thiệt hại cho xã hội.

76. Mọi biện pháp cưỡng chế của nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý.

Đúng. Trách nhiệm pháp lý luôn gắn liền với các biện pháp cưỡng chế nhà nước được quy định trong phần chế tài của các quy phạm pháp luật. Đây là điểm khác biệt giữa trách nhiệm pháp lý với các biện pháp cưỡng chế khác của nhà nước như bắt buộc chữa bệnh, giải phóng mặt bằng...

77. Những quan điểm tiêu cực của chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài (mặt khách quan) của vi phạm pháp luật.

Sai. Biểu hiện của vi phạm pháp luật phải là những hành vi, không phải quan điểm.

78. Hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra đều phải là sự thiệt hại về vật chất.

Sai. Hậu quả do hành vi trái pháp luật gây ra có thể là thiệt hại về mặt vật chất, tinh thần hoặc những thiệt hại khác cho xã hội.

79. Sự thiệt hại về vật chất là dấu hiệu bắt buộc của vi phạm pháp luật.

Sai. Nó còn có thể là thiệt hại về tinh thần.

80. Chủ thể của vi phạm pháp luật có thể chịu đồng thời nhiều trách nhiệm pháp lý.

Đúng. Ví dụ một người phạm tội vừa có thể bị phạt tiền, vừa có thể phải ngồi tù, tùy theo loại, mức độ vi phạm và các tình tiết tăng nặng.

81. Không thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thì không bị xem là có lỗi.

Sai. Đây là lỗi vô ý do cẩu thả. Chủ thể không nhìn thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội trong điều kiện mà đáng lẽ ra phải thấy trước.

82. Hành vi chưa gây thiệt hại cho xã hội thì chưa bị xem là vi phạm pháp luật.

Sai. Hành vi mà gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho xã hội, được quy định trong các văn bản pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật.

83. Phải là người đủ 18 tuổi trở lên thì mới được coi là chủ thể của vi phạm pháp luật.

Sai. Chủ thể của hành vi vi phạm pháp luật có thể là bất cứ cá nhân tổ chức nào có năng lực trách nhiệm pháp lý.

84. Sự thiệt hại thực tế xảy ra cho xã hội là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của vi phạm pháp luật.

Sai. Chỉ cần đe dọa gây thiệt hại cho xã hội cũng có thể là dấu hiệu trong mặt khách quan của vi phạm pháp luật.

85. Một hành vi vừa có thể đồng thời là vi phạm pháp luật hình sự vừa là vi phạm pháp luật hành chính, nhưng không thể đồng thời là vi phạm pháp luật dân sự, vừa là vi phạm pháp luật hình sự

Sai. Hành vi vi phạm hành chính thì chủ thể chưa cấu thành tội phạm, còn hành vi vi phạm luật hình sự thì chủ thể là tội phạm, gây nguy hại hoặc đe dọa gây nguy hại cho xã hội.

86. Trách nhiệm pháp lý là bộ phận chế tài trong quy phạm pháp luật.

Sai. Đây chỉ là định nghĩa trách nhiệm pháp lý theo hướng tiêu cực. Theo hướng tích cực, các biện pháp cưỡng chế hành chính nhằm ngăn chặn dịch bệnh không là bộ phận chế tài trong quy phạm pháp luật.

87. Mọi biện pháp cưỡng chế của nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý và ngược lại.

Đúng. Biện pháp trách nhiệm pháp lý luôn gắn liền với biện pháp cưỡng chế của nhà nước.

88. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Sai. Ví dụ : hành vi hiếp dâm là vi phạm pháp luật, nhưng trong đa số trường hợp, nếu nạn nhân bác đơn hoặc không tố giác thì chủ thể sẽ không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

89. Mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật.

Sai. Không phải tất cả hành vi trái pháp luật đều là vi phạm pháp luật. Vì chỉ có hành vi trái pháp luật nào được chủ thể thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mới có thể là hành vi vi phạm pháp luật. Dấu hiệu trái pháp luật mới chỉ là biểu hiện bên ngoài của hành vi. Để xác định hành vi vi phạm pháp luật cần xét cả mặt chủ quan của hành vi Nghĩa là xác định trạng thái tâm lý của người thực hiện hành vi đó, xác định lỗi của họ. Bởi vì nếu một hành vi được thực hiện do

những điều kiện và hoàn cảnh khách quan và chủ thể không thể ý thức được, từ đó không thể lựa chọn được cách xử sự theo yêu cầu của pháp luật thì hành vi đó không thể coi là có lỗi, không thể coi là vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó hành vi trái pháp luật của những người mất trí (tâm thần), trẻ em (chưa đến độ tuổi theo quy định của PL) cũng không được coi là VPPL vì họ không có khả năng nhận thức điều khiển được hành vi của mình.

90. Quan điểm tiêu cực của các chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài của vi phạm pháp luật.

Sai. Biểu hiện của vi phạm pháp luật phải là những hành vi, không phải quan điểm.

91. Mọi hậu quả do vi phạm pháp luật gây ra đều phải được thực hiện dưới dạng vật chất.

Sai. Nó còn có thể hiện dưới dạng tổn hại tinh thần hoặc đe dọa tổn hại.

92. Một vi phạm pháp luật không thể đồng thời gánh chịu nhiều loại trách nhiệm pháp lý.

Sai. Một vi phạm pháp luật vẫn có thể vừa gánh trách nhiệm hành chính, vừa gánh trách nhiệm dân sự.

93. Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật lạc hậu, thể hiện trình độ pháp lý thấp.

Sai. Rất nhiều nước tiến bộ trên thế giới bây giờ trong hệ thống PL của họ chủ yếu là tồn tại dưới dạng không thành văn, thừa nhận rất nhiều Án lệ: những nước trong hệ thống luật Anh- Mĩ.

94. Pháp luật luôn tác động tích cực đối với kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Sai. Nếu PL tiến bộ, phản ánh được thực tiễn, dự báo được tình hình phát triển của xã hội thì sẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội. Ngược lại sẽ kìm hãm sự phát triển xã hội.

95. Pháp luật là tiêu chuẩn (chuẩn mực) duy nhất đánh giá hành vi của con người.

Sai. Ngoài PL còn rất nhiều những chuẩn mực khác: Đạo đức chẵng hạn.

96. Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật lạc hậu, thể hiện trình độ pháp lý thấp.

Sai. Rất nhiều nước tiến bộ trên thế giới bây giờ trong hệ thống PL của họ chủ yếu là tồn tại dưới dạng không thành văn, thừa nhận rất nhiều Án lệ: những nước trong hệ thống luật Anh- Mĩ.

97. Các quy phạm xã hội luôn đóng vai trò hỗ trợ việc thực hiện pháp luật.

Đúng. Các QPXH khác như QP đạo đức thể hiện phong tục tập quán, tư tưởng của quần chúng nhân dân. Nếu QPPL được ban hành hợp tình, hợp lý thì việc thực hiện trên thực tế sẽ dễ dàng hơn. Nó đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ thực hiện PL.

98. Mọi nhà nước đều phải trải qua 4 kiểu nhà nước.

Sai: ví dụ điển hình như Việt Nam chẵng hạn, VN không trải qua NN Tư bản chủ nghĩa mà từ phong kiến tiến lên XHCN. Trong Cương lĩnh của Nguyễn Ái Quốc 3-

2-1930 có đề cập. Thực tiễn cũng chứng minh như thế: sau CM T8, Nhà Nguyễn sụp đổ chấm dứt sự tồn tại của chế độ PK ở VN, VN xây dựng NN XHCN, bỏ qua giai đoạn Tư bản chủ nghĩa.

99. Nhà nước là một hiện tượng bất biến trong xã hội.

Sai. Trả lời dựa theo kết luận của Các Mác về hiện tượng nhà nước: Nhà nước không phải là một hiện tượng bất biến mà là 1 hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nó chỉ xuất hiện trong những điều kiện nhất định và mất đi cùng với sự mất đi của những điều kiện đó.

100. Quyền lực chỉ xuất hiện và tồn tại trong xã hội có giai cấp và đấu tranh gia cấp.

Sai. Trả lời: Phải nói rõ là quyền lực gì, quyền lực đã xuất hiện trong xã hội nguyên thủy, là quyền lực xã hội hay quyền lực thị tộc.

101: Công xã nguyên thủy không tồn tại nhà nước vì không tồn tại hệ thống quản lý quyền lực.

Sai. Quyền lực thị tộc vẫn cần hệ thống quản lý.

102. Nhu cầu trị thủy là yếu tố căn bản hình thành nhà nước ở các quốc gia phương Đông.

Đúng. Xem lại lịch sử hình thành các quốc gia phương đông: Do đặc thù của nghề trồng lúa nước, trị thủy và chống giặc ngoại xâm => vai trò cộng đồng được đề cao.